

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 21/8/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Phi Công,
2. Ông Trần Văn Xuân.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan, Thư ký Tòa án.
- *VKSND huyện tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Dung- KSV.

Ngày 21/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm dân sự thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 19/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-TCDS ngày 25/6/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2018/QĐST – DS ngày 25/7/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sn: 1970 (có mặt).

Trú tại: Ấp N, xã M, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đ, sn: 1988(có mặt).

Trú tại: Ấp N, xã M, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh C , sn: 1976(vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp F 1, xã F, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà NLQ, sn: 1976(vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp F 1, xã F, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2017, các biên bản lời khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/12/2012 (âm lịch) bà Nguyễn Thị V có cho ông Huỳnh C vay số tiền là 140.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, ông C có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 334206 đối với thửa 573 tờ bản đồ số 08 xã F do UBND huyện H cấp cho ông Huỳnh C vào ngày 02/02/2009, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh C và 01 sổ hộ khẩu chủ hộ

là NLQ, hai bên có viết giấy vay tiền nhưng hiện nay đã thất lạc nên bà không cung cấp được.

Đến ngày 02/4/2015 ông C có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác nên hai bên thống nhất bà giao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho ông C, còn ông C phải thanh toán tiền lãi suất vay cho bà là 23.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông C chỉ thanh toán được 20.000.000 đồng tiền lãi suất vay, số tiền 3.000.000 đồng còn lại hai bên thống nhất nhập vào số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 140.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc ông C nhận vay là 143.000.000 đồng và viết giấy biên nhận số 107 ngày 02/4/2015 do ông Huỳnh C ký ghi họ tên xác nhận, có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 334206 ngày 02/02/2009 đối với thửa 573 tờ bản đồ số 08 xã F của ông Huỳnh C, thời gian thanh toán nợ là ngày 02/5/2015, phương thức thanh toán nợ là 01 lần cả gốc là lãi suất vay, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng nhưng không lập thành văn bản.

Khi đến thời hạn thanh toán nợ bà V đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông C không thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu ông C thanh toán số tiền gốc là: 143.000.000 đồng và lãi suất vay kể từ ngày 02/5/2015 đến ngày 15/02/2018 theo mức lãi suất là 1,125%/tháng, đồng ý căn trừ số tiền 12.000.000 đồng lãi suất bà NLQ1 thanh toán thay cho ông C vào tiền lãi suất vay.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà NLQ về việc yêu cầu bà NLQ liên đới cùng với ông C thanh toán số tiền 143.000.000 đồng.

Bị đơn Huỳnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định nhưng vẫn vắng mặt, nên không có lời khai.

Tại bản tự khai, biên bản lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ trình bày: Bà và ông Huỳnh C sống chung với nhau năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn, bà không biết việc ông C vay số tiền 143.000.000 đồng của bà V. Khi có nhu cầu chuyển nhượng đất mới được ông C cho biết đã vay tiền của bà V nên yêu cầu bà giao 20.000.000 đồng cho bà V để lấy lại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Ngoài ra, khi bà V yêu cầu ông C thanh toán nợ thì bà thanh toán thêm cho bà V thay cho ông C số tiền là 12.000.000 đồng. Cụ thể như sau: tháng 10/2016 thanh toán số tiền là 4.000.000 đồng; ngày 30/11/2016 thanh toán số tiền 2.000.000 đồng, ngày 30/01/2017 thanh toán số tiền là 2.000.000 đồng, ngày 30/02/2017 thanh toán số tiền 2.000.000 đồng, ngày 03/4/2017 thanh toán số tiền là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã thanh toán cho bà V thay cho ông C là 32.000.000 đồng. Bà không tranh chấp gì vì bà đưa cho bà V có sự đồng ý của ông C.

-Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Xuân Lộc nhận định: Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc làm đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, thông báo hòa giải, lấy lời khai đối chất của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về việc tham gia và chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn đã tham gia đầy đủ và chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khấu trừ 12.000.000 đồng đã thanh toán vào tiền gốc, buộc ông C thanh toán cho bà V số tiền là: 131.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 4/2015 đến nay, căn trừ số tiền 20.000.000 đồng bà NLQ - ông C đã thanh toán cho bà V vào tiền lãi suất vay.

Do bà NLQ không biết việc ông C vay tiền của bà V, ông C - bà NLQ sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận việc nguyên đơn rút yêu khởi kiện cầu buộc bà NLQ liên đới thanh toán số tiền: 143.000.000 đồng.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 162/2017/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2017 theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị V cho rằng ông Huỳnh C có ký giấy mượn tiền ngày 02/4/2015 về việc vay bà V số tiền 143.000.000 đồng nhưng ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, bà V khởi kiện yêu cầu ông C – bà NLQ thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ dân sự năm 2005. Quan hệ này thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh C đăng ký thường trú tại Ấp F 1, xã F, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị V làm đơn khởi kiện ông Huỳnh C nên xác định bà V tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, ông C tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, bà V rút yêu cầu khởi kiện của bà NLQ. Bà NLQ cho rằng số tiền lãi suất vay bà thanh toán thay cho ông C nên xác định bà NLQ tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh C, bà NLQ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng ông C, bà NLQ vẫn vắng mặt không có

lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà NLQ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Bà Nguyễn Thị V xác định xác định năm 2012, bà có cho ông Huỳnh C vay số tiền là: 140.000.000đồng có viết giấy vay nợ nhưng đã bị thất lạc, đến ngày 02/4/2015 ông C thanh toán lãi suất vay cho bà là 20.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc và 3.000.000 đồng lãi suất vay nên hai bên thống nhất nhập 3.000.000đồng vào tiền gốc thành tổng cộng là 143.000.000đồng. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp bản chính biên nhận số 107 ngày 02/4/1015 do ông Huỳnh C ký ghi họ tên xác nhận. Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án thu thập được lời khai bà NLQ là người sống chung như vợ chồng với ông Huỳnh C từ năm 1999 xác định ông C có vay tiền bà V, bà là người thay ông C thanh toán tiền lãi suất vay cho bà V. Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp tổng đạt các quyết định yêu cầu ông C cung cấp các chứng cứ phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C không cung cấp. Từ đó cho thấy việc ông Huỳnh C vay tiền ông bà V là có thật, chứng cứ do nguyên đơn và Tòa án thu thập được xem xét để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 93, 94 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C không cung cấp các chứng cứ phản bác đã thanh toán số tiền nợ vay.

Từ nhận định trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V là có cơ sở nên chấp nhận, cần buộc ông C phải thanh toán số tiền gốc là 143.000.000đồng cho bà V theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định bà NLQ và ông Huỳnh C không đăng ký kết hôn, bà NLQ cho rằng đây là nợ riêng của ông C nên bà không đồng ý cùng ông C thanh toán. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà V rút yêu cầu khởi kiện đối với bà NLQ, bà V chỉ yêu cầu ông C thanh toán nợ, việc rút yêu cầu của bà V là tự nguyện nên chấp nhận theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà V: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tiền lãi của tổng tiền nợ 143.000.000đồng từ ngày 02/5/2015 đến ngày 15/02/2018 với mức là 1,125%/tháng. Quá trình thu thập chứng cứ, bà V cung cấp biên nhận ngày 02/4/2015. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng không thể hiện hai bên thỏa thuận tiền lãi. Ông Huỳnh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai, vì vậy không chứng minh được hai bên có thỏa thuận lãi suất vay. Do vậy, chấp nhận yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn đối với khoản nợ chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 4 Điều 474, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể: số tiền lãi của số tiền gốc 143.000.000đồng ông C phải trả cho bà V (từ ngày 02/5/2015 đến ngày 15/02/2018) là $33 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} = 0,75\% / \text{tháng} \times 143.000.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} = 36.214.750 \text{ đồng}$.

Xét, trong quá trình thu thập chứng cứ bà NLQ trình bày đã giao 12.000.000 đồng cho bà V, nội dung này được bà V thừa nhận và tại phiên tòa

nguyên đơn đồng ý căn trừ vào tiền lãi suất vay nên ghi nhận là phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà NLQ trình bày bà cùng ông C có giao cho bà V số tiền 20.000.000đồng và được bà V thừa nhận đã nhận là phù hợp khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V xác định đây là tiền thanh toán lãi suất vay vào năm 2012 đối với số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và cung cấp người làm chứng là bà Vũ Thị L. Tuy nhiên, bà L chỉ xác định tại thời gian trên bà có cho bà V vay số tiền 100.000.000đồng để bà V cho người khác vay lại, còn người đó là ai thì bà không biết. Tòa án đã yêu cầu bà V cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền 20.000.000đồng ông C trả là dùng để thanh toán lãi suất vay của khoản vay khác nhưng bà V không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Nên căn khấu trừ số tiền 20.000.000đồng ông C đã thanh toán vào tiền lãi suất vay.

Như vậy, ông C còn phải thanh toán tiếp cho bà V số tiền lãi suất là: 36.214.750 đồng – 32.000.000đồng = 4.214.750 đồng.

Tổng tiền gốc và lãi suất ông C phải thanh toán cho bà V là 147.214.750 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

[6] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định khi vay tiền ông C có cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 334206 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 02/02/2009, nhưng không làm thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định và nguyên đơn tự nguyện hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN 334206 nên ghi nhận và căn buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời số 161/2017/QĐ-BPBD ngày 15/12/2017 của TAND huyện Xuân Lộc, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V được chấp nhận nên được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị V số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo số tài khoản: 5902201003816.

[8] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Huỳnh C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 147.214.750 đồng x 5% = 7.360.737 đồng.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/201/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với ông Huỳnh C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Huỳnh C thanh toán cho bà Nguyễn Thị V số tiền 147.214.750 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bà Nguyễn Thị V hoàn trả cho ông Huỳnh C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 334206 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 02/02/2009

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc buộc bà NLQ liên đới thanh toán số tiền: 143.000.000 đồng.

- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 162/2017/QĐ-BPBD ngày 15/12/2017 được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

- Cho người đã thực hiện biện pháp bảo đảm là bà Nguyễn Thị V được nhận lại toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) tại tài khoản tạm gửi số: 5902201003816 của TAND huyện Xuân Lộc, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Xuân Lộc.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí:

- Ông Huỳnh C nộp 7.360.737 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.900.000 đồng (theo biên lai thu số 000004 ngày 09 tháng 6 năm 2018 và theo biên lai thu số 008185 ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. Xuân Lộc.
- Thi hành án dân sự H. Xuân Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh